







## Kết quả Điều tra PCI - Doanh nghiệp Đầu tư trực tiếp nước ngoài


**TS. Edmund Malesky**  
Trưởng nhóm nghiên cứu PCI






## Động lực thực hiện điều tra FDI

- Tiếp xúc với lãnh đạo các địa phương: FDI là vấn đề rất được quan tâm.
- Nhiều lãnh đạo tỉnh coi thu hút FDI như một phần trong chiến lược phát triển của mình.
- Lãnh đạo các cấp mong muốn tìm hiểu yếu tố thúc đẩy FDI.
- Nhu cầu và khó khăn của doanh nghiệp FDI có thể rất khác so với doanh nghiệp trong nước.
- Ban đầu, nhóm nghiên cứu PCI không tập trung nghiên cứu tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài, do các điều kiện cơ cấu quyết định mức độ hấp dẫn đầu tư.



**“Phân tích theo dữ liệu thu thập được, không phải theo dữ liệu mong muốn có.”**

- Điều tra các nhà đầu tư FDI **hiện tại**, mà Việt Nam đã thu hút được.
- Đối tượng của điều tra này không phải là các nhà đầu tư Việt Nam hy vọng sẽ thu hút trong tương lai.
- Quan điểm, nhu cầu của nhà đầu tư hiện đang hoạt động tại Việt Nam có thể không hoàn toàn giống với các nhà đầu tư tương lai.
- Mặc dù cố gắng khắc phục nhưng sai số trong chọn mẫu là khó tránh khỏi



**Đặc điểm của DN FDI**

- Điều tra 1.155 DN FDI, tương đương 20% số DN được thống kê trong Tổng điều tra DN của Tổng cục Thống kê.
- Các DN này đến từ 47 quốc gia trên thế giới, hoạt động trên khắp cả nước, 75% trong số đó đến từ các nước Châu Á.
- 84% là DN 100% có vốn đầu tư nước ngoài.
- 16% đã giải ngân toàn bộ vốn đầu tư được cấp phép.
- Tỷ lệ giải ngân trung bình là 62% vốn đăng ký.
- 67% hoạt động trong ngành sản xuất có giá trị gia tăng thấp.
- Chỉ 13,5% DN FDI có thể được coi là đầu tư công nghệ cao và sử dụng công nghệ hoặc trang thiết bị hiện đại.
- 25% DN FDI mở rộng đầu tư sau khi Việt Nam gia nhập WTO.

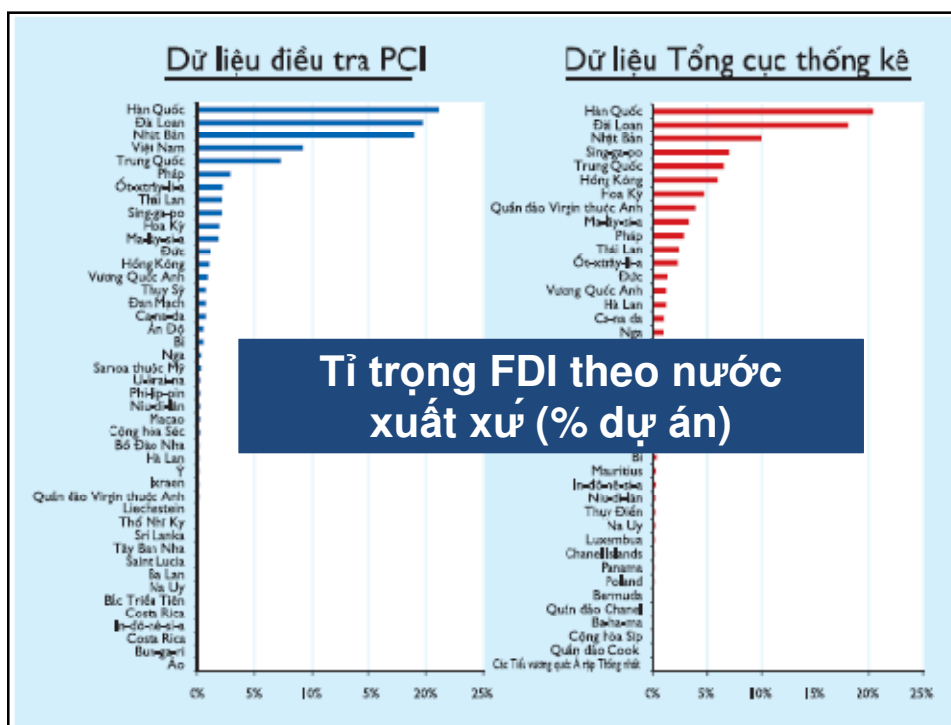


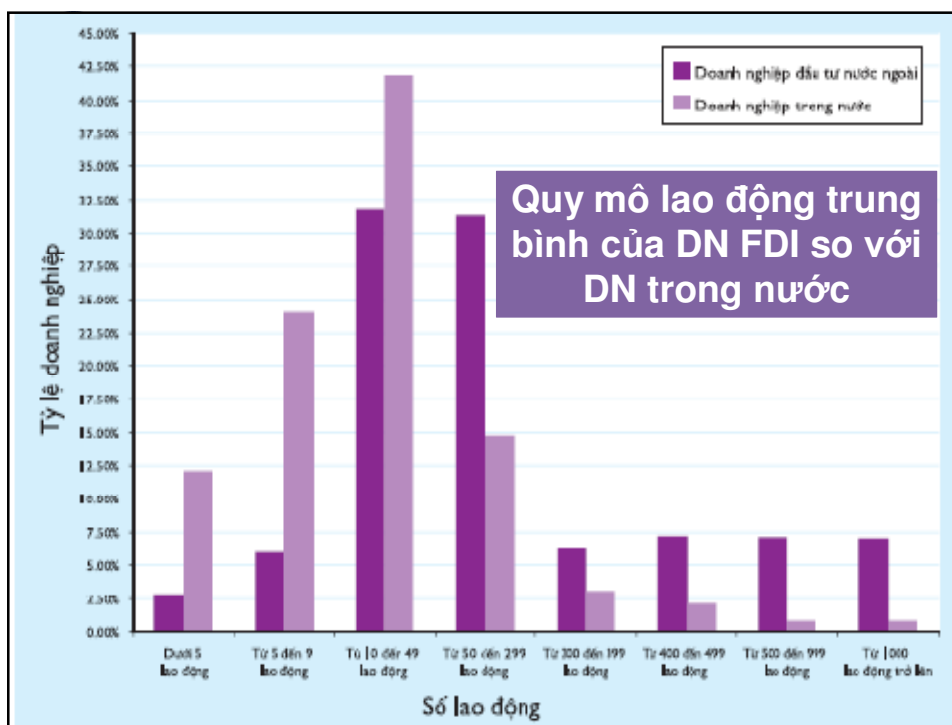
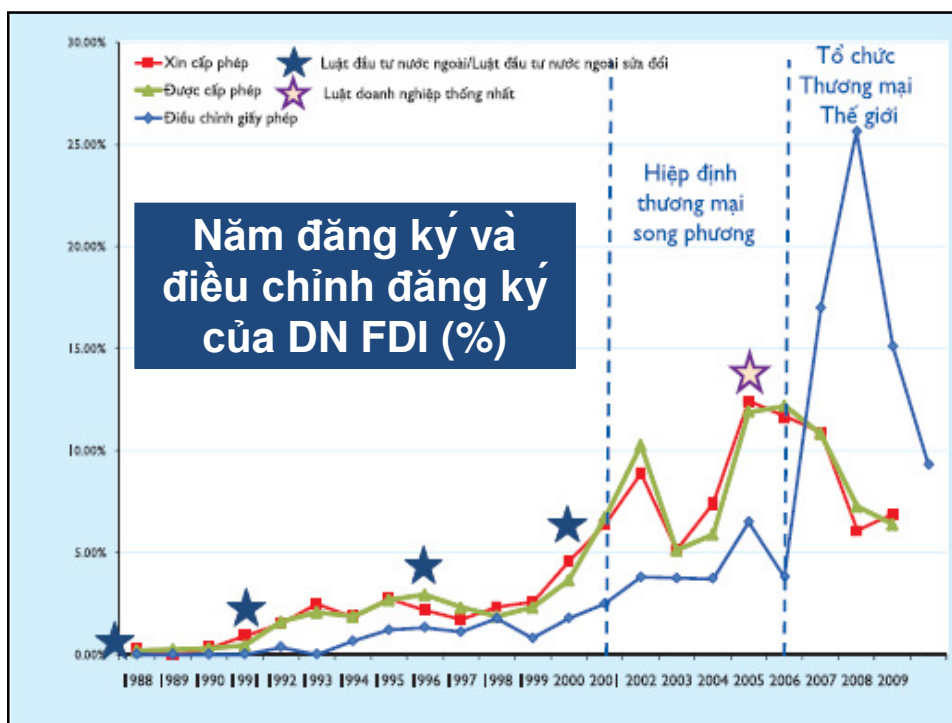
**USAID** | **VNCI**  
TỬ NHÂN DÂN MỸ | SÁNG KIẾN CẠNH TRANH  
VIỆT NAM

**VCCI**

## Các kết quả chính – Hồ sơ DN FDI?


- Nhà đầu tư nước ngoài trung vị là DN cỡ quy mô nhỏ, định hướng xuất khẩu và lợi nhuận thấp, chủ yếu làm thầu phụ cho các công ty đa quốc gia lớn hơn.
- DN FDI ít chọn DN trong nước làm thầu phụ. 54% hàng hóa, dịch vụ trung gian được mua ngoài Việt Nam.
- DN FDI khá thành công với tỷ suất lợi nhuận trung bình là 20% (tương đương 17,000USD/đơn vị lao động).
- Tuy nhiên, 20% DN FDI cho biết hoạt động kinh doanh bị thua lỗ.
- Nhà đầu tư ít khi liên hệ kết quả hoạt động của DN với chính sách nhà nước, mà cho rằng điều kiện thị trường đóng vai trò chính.
- **DN FDI thế hệ tiếp theo:** các DN sản xuất giá trị gia tăng cao hoặc sử dụng công nghệ cao, chỉ chiếm 13,5% dự án đầu tư.






<b>Tỉ lệ DN FDI theo ngành nghề</b>			
<b>Phân ngành theo quy mô rộng</b>	<b>Cả nước</b>	<b>Hà Nội</b>	<b>TP.HCM</b>
3 Sản xuất	67.16%	38.17%	56.95%
13 Khoa học, kỹ thuật	5.28%	13.98%	5.96%
10 Thông tin & truyền thông	4.92%	8.06%	8.61%
7 Bán buôn & bán lẻ; sửa chữa xe	3.56%	8.06%	3.31%
11 Tài chính & bảo hiểm	3.50%	6.99%	4.64%
9 Dịch vụ lưu trú và thực phẩm	2.78%	4.84%	3.97%
6 Xây dựng	2.66%	8.06%	0.66%
1 Nông, lâm, ngư nghiệp	2.50%	0.00%	3.97%
16 Giáo dục	1.80%	2.69%	0.00%
8 Vận tải và lưu kho	1.70%	1.08%	3.97%
14 Hành chính & dịch vụ hỗ trợ	1.29%	2.69%	1.32%
19 Các dịch vụ khác	0.84%	1.61%	1.32%
18 Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	0.61%	0.54%	1.32%
2 Khai thác mỏ và khai thác đá	0.42%	0.54%	0.66%
17 Y tế và hoạt động xã hội	0.36%	1.61%	0.00%
12 Bất động sản	0.28%	0.54%	0.00%
5 Cấp nước, thoát nước, quản lý và xử lý chất thải	0.17%	0.00%	0.00%
4 Cung cấp điện, ga và điều hòa không khí	0.15%	0.54%	0.00%
15 Hành chính công và quốc phòng; an ninh xã hội	0.00%	0.00%	3.31%
20 Kinh doanh hộ gia đình	0.00%	0.00%	0.00%






**USAID**  
TỬ NHÂN DÂN MỸ



**VNCCI**  
SÁNG KIẾN CẠNH TRANH  
VIỆT NAM



## Các kết quả chính- Yếu tố thúc đẩy đầu tư

- Chi phí lao động, ổn định chính trị, ưu đãi thuế, (tiếp theo là chi phí hàng hóa trung gian) là các yếu tố hàng đầu hấp dẫn nhà đầu tư.
- Mặc dù thứ tự có thay đổi nhưng các yếu tố này luôn được lựa chọn, bất kể theo tiêu chí phân loại nào (loại hình, tuổi, ngành nghề, hình thức gia nhập thị trường của DN).
- **Thế hệ DN FDI tương lai** có khuynh hướng quan tâm đến chất lượng lao động và cơ sở hạ tầng và quan tâm hơn đối với quyền sở hữu tài sản và các quyền liên quan đến hợp đồng.



**USAID**  
TỬ NHÂN DÂN MỸ



**VNCCI**  
SÁNG KIẾN CẠNH TRANH  
VIỆT NAM



**VCCI**



**Invest Vietnam**  
Discovering New Investment Hotspots

**Why Invest in Vietnam?**

**PEOPLE**

- Young, hardworking and skilful labour force
- Population of 86.5 million people (13th largest in the world)
- Highly competitive labour cost

**ECONOMIC GROWTH**

- One of the fastest-growing Asian economies
- Foreign investment is a key driver

**NATURAL RESOURCES**

- Abundant mineral and natural resources
- Competitive advantages in maritime ports and marine transportation

**SECURITY**

- A stable political and social environment

**GEOGRAPHIC LOCATION**

- Vietnam is located in the centre of Southeast Asia, the fastest growing economic region in the world
- Vietnam has a 3,200km of coastline and many sea ports which are ideal for international trade

**LEGAL ENVIRONMENT**

Vietnam's legal environment has significantly improved in recent years, with the aim of complying with international practices

**GLOBAL INTEGRATION**

- As the 150th member of World Trade Organisation (since January 2007), Vietnam enjoys vast opportunities for economic growth

**Nguồn:  
Ấn phẩm  
Cục Đầu tư  
nước ngoài –  
Bộ Kế hoạch  
và Đầu tư**

## Yếu tố quyết định lựa chọn đầu tư vào Việt Nam

10 yếu tố tác động nhiều nhất				10 yếu tố ít tác động nhất				
Yếu tố	Thứ 1	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 1	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5
	Tinh theo trong số			Tinh theo trong số				
Chi phí lao động	126	99	68	Khả năng tiếp cận các nhà	10	6	4	46
Ưu đãi về thuế, đất đai đầu tư	80	82	76	hoạch định chính sách để giải	7	6	11	44
Ổn định chính trị	76	64	77	quyết các vấn đề của DN	3	7	13	36
Chất lượng lao động	31	58	42	Phân bố đất đai	3	7	11	34
Chi phí của nguồn nguyên liệu, dịch vụ trung gian	23	36	26	Khoảng cách đến các thị	3	7	11	34
Sức mua của người tiêu dùng	26	21	28	trường xuất khẩu	5	3	11	32
Sự sẵn có nguồn nguyên liệu, dịch vụ trung gian	32	18	14	Rủi ro bị thu hồi đất	3	5	3	22
Quy mô thị trường nội địa	25	24	19	Đầu tư hoặc hiệp định thương	4	1	8	22
Sự sẵn có các khu công nghiệp	20	17	25	mại song phương hoặc đa	6	1	0	20
Ổn định kinh tế vĩ mô	21	16	22	phương	1	4	3	14
				Thực thi hợp đồng	0	3	1	7
				Kiểm soát tham nhũng				
				Khả năng tham gia quá trình				
				xây dựng chính sách				
				Bảo vệ quyền về tài sản				
				Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ				



## Các kết quả chính- Phân tích chất lượng điều hành kinh tế

### Lĩnh vực sụt giảm

- Chi phí gia nhập thị trường: Số DN FDI phải đợi hơn 1 tháng để hoàn tất thủ tục nhiều gấp đôi DN trong nước
- Thủ tục, quy định: DN nước ngoài bị thanh tra, kiểm tra nhiều hơn, phải thực hiện nhiều thủ tục hơn, đặc biệt trong lĩnh vực thông quan
- Độ ổn định trong sử dụng đất thấp hơn: Chỉ 33% DN FDI có GCNQSDĐ so với 53% DN trong nước
- Chất lượng lao động: DN FDI cảm nhận tiêu cực hơn về chất lượng giáo dục, đào tạo (chỉ 18% cảm nhận tích cực về chất lượng giáo dục phổ thông)

### Lĩnh vực cải thiện

- Tính năng động: Gần 50% DN FDI đánh giá thái độ của chính quyền tỉnh là tích cực, so với 1/3 DN trong nước.
- Cơ sở hạ tầng: DN FDI có cảm nhận tích cực hơn về chất lượng cơ sở hạ tầng, có thể do DN FDI có cơ sở hoạt động trong khu công nghiệp nhiều hơn.

### Lĩnh vực không thay đổi

- Tính minh bạch: Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin của tỉnh được DN FDI đánh giá tương tự với DN trong nước.
- Hệ thống tòa án: Cả DN nước ngoài và trong nước đều ít tin tưởng vào hệ thống tòa án và sử dụng các hình thức giải quyết tranh chấp khác.



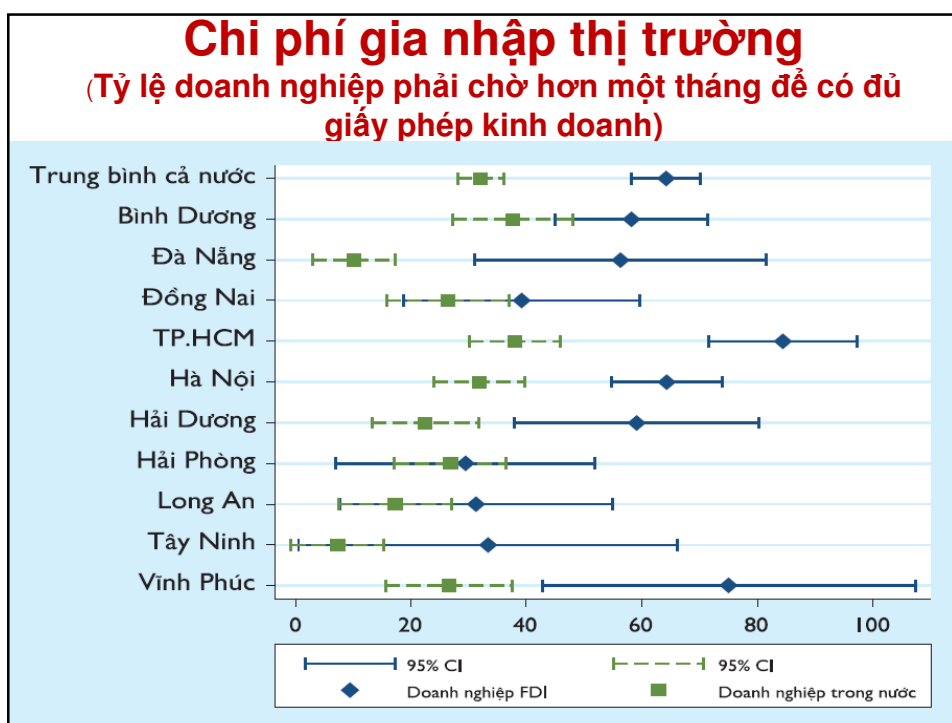
**USAID**  
TỬ NHÂN DÂN MỸ

**VNCI**  
SÁNG KIẾN CẠNH TRANH  
VIỆT NAM

**VCCI**

### Nhà đầu tư chật vật với quy định của địa phương





### Thời gian phải chờ để được cấp phép (Theo thời gian)

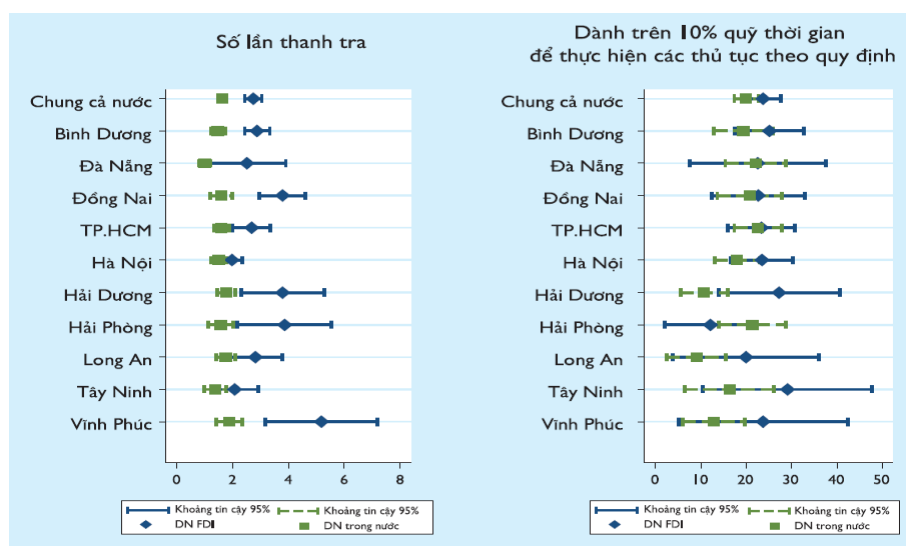
Thời gian	Tất cả	Trước 1995	1996-2000	2001-2006	Sau 2006
Trên một năm	2,1%	8,3%	0,4%	1,8%	1,4%
6 tháng đến 12 tháng	5,2%	10,5%	6,7%	3,6%	5,8%
3 đến 6 tháng	10,5%	4,8%	13,7%	9,3%	13,5%
1 đến 3 tháng	43,4%	57,4%	33,3%	41,1%	43,7%
1 tuần đến 1 tháng	32,5%	17,3%	33,3%	36,7%	29,4%
Trong vòng 1 tuần	7,0%	0,2%	12,7%	7,3%	6,2%
Trong ngày	0,2%	1,4%	0,0%	0,1%	0,0%
<b>N</b>	<b>1058</b>	<b>103</b>	<b>108</b>	<b>526</b>	<b>321</b>



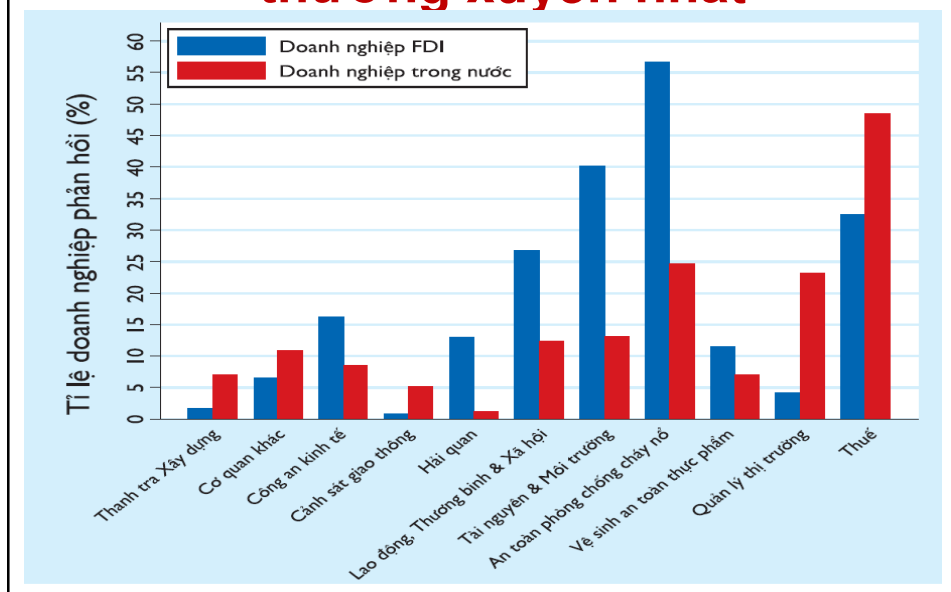
## Các chi phí gia nhập thị trường

Loại giấy tờ	Trung bình	Sai số chuẩn	Giá trị dưới	Giá trị trên
Giấy phép đầu tư ban đầu (số ngày chờ)	60,9	4,8	51,6	70,3
Giấy phép đầu tư gần đây nhất (số ngày chờ)	39,3	4,1	31,1	47,5
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số ngày chờ)	48,0	10,8	26,7	69,4
Mã số thuế (số ngày chờ)	27,1	3,6	20,0	34,1
Mã số thuế và giấy phép được ban hành đồng thời	87,0%	1,7%	83,7%	90,2%
Doanh nghiệp cần thêm giấy tờ khác (%)	45,2%	2,7%	39,9%	50,4%
Số loại giấy tờ cần thêm	2,0	0,1	1,7	2,3

## Gánh nặng tuân thủ quy định

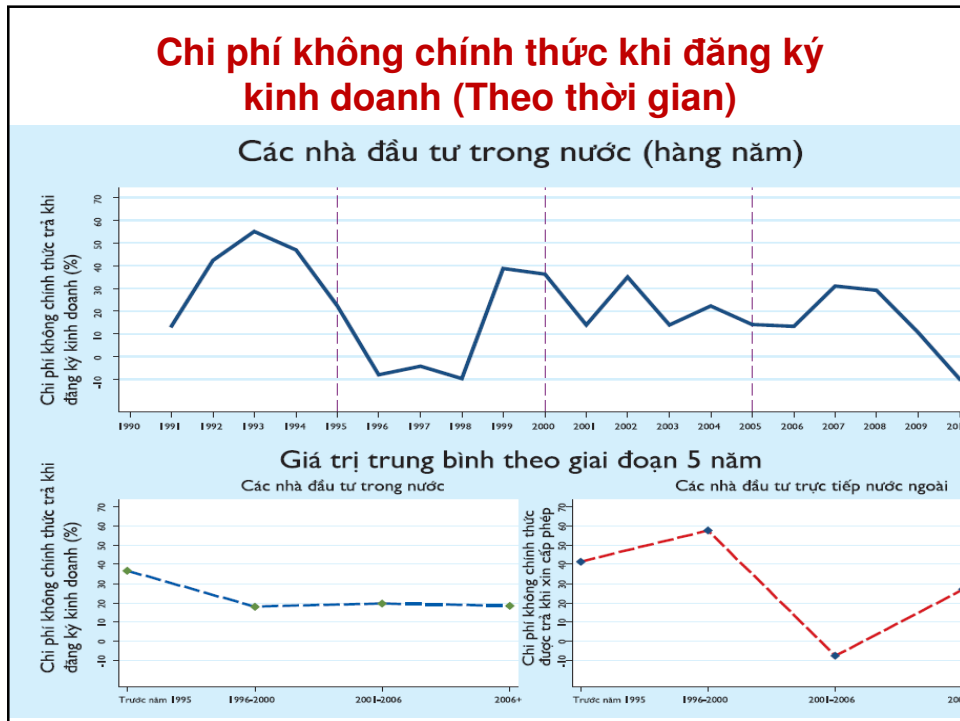
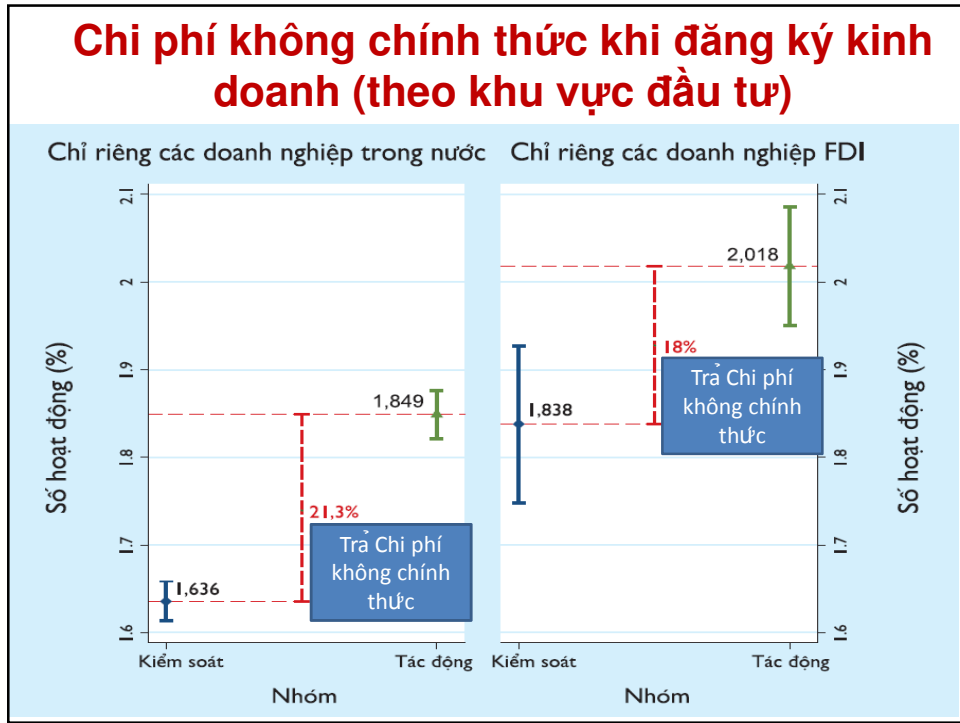


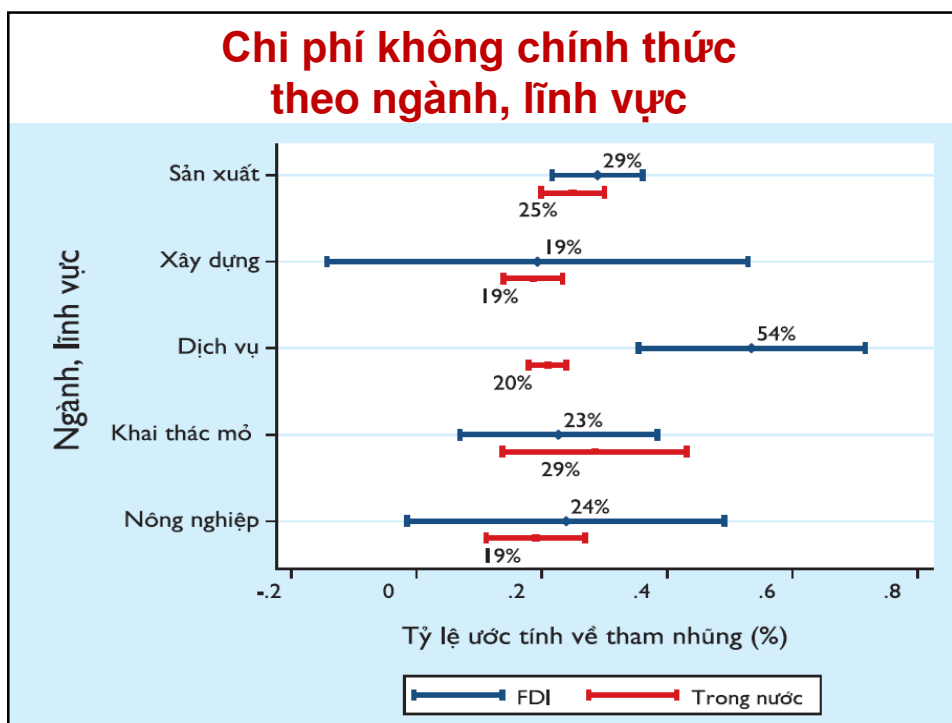
## Các cơ quan thanh tra thường xuyên nhất



## Các kết quả chính: Chi phí không chính thức

- Điều tra PCI-FDI sử dụng phương pháp tiên tiến để đánh giá tình trạng chi trả chi phí không chính thức trong đăng ký kinh doanh và đấu thầu hợp đồng của chính phủ.
- 20% DN chi trả chi phí không chính thức trong đăng ký kinh doanh.
- 40% DN chi trả hoa hồng khi tham gia đấu thầu.
- 70% chi trả chi phí “bôi trơn” để thông quan hàng hóa nhanh hơn.
- Không có khác biệt đáng kể giữa DN nước ngoài và trong nước, ngoại trừ trong các ngành dịch vụ được quản lý chặt, là các lĩnh vực mà DN FDI có xu hướng chi trả chi phí không chính thức cao hơn (hơn 50%!).
- Có khác biệt nhỏ giữa xuất xứ quốc gia khác nhau (nhà đầu tư từ Mỹ và Anh chi trả chi phí không chính thức ít hơn), nhưng kết quả không có ý nghĩa về mặt thống kê.
- Chi phí không chính thức trong đăng ký thành lập doanh nghiệp giảm mạnh sau khi ký Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ.









**USAID**  
TỬ NHÂN DÂN MỸ



**VNCCI**  
SÁNG KIẾN CẠNH TRANH  
VIỆT NAM



## Hàm ý Chính sách

- **Tăng cường thu hút đầu tư:** Không chỉ bằng những biện pháp ưu đãi mà cần tập trung vào công tác thông tin, xúc tiến và thay đổi cơ cấu.
- **Chất lượng lao động:** Cần cải thiện chất lượng giáo dục phổ thông và đào tạo nghề
- **Chi phí thực hiện quy định** về thời gian và chi phí vẫn còn là vấn đề, đặc biệt trong lĩnh vực thông quan.
- **Chất lượng cơ sở hạ tầng:** vẫn là một gánh nặng mặc dù các DN FDI tỏ ra lạc quan hơn. Đường giao thông kết nối là vấn đề lớn nhất.
- **Các ưu đãi đầu tư của tỉnh Không hiệu quả:** 88% nhà đầu tư lựa chọn các tỉnh có chính sách ưu đãi bằng hoặc kém hơn để đầu tư. Chính sách ưu đãi không hấp dẫn được đúng đối tượng nhà đầu tư mong muốn.



**USAID**  
TỬ NHÂN DÂN MỸ



**VNCI**  
SÁNG KIẾN CẠNH TRANH  
VIỆT NAM



**VCCI**

## Xin cảm ơn!

Để biết thêm thông tin, truy cập trang web:  
[www.pcivietnam.org](http://www.pcivietnam.org)  
Hoặc e-mail:  
[pci@vcci.com.vn](mailto:pci@vcci.com.vn) hoặc [pci@vnci.org](mailto:pci@vnci.org)

